

**NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG SINH VIÊN KHOA SƯ PHẠM –
ĐẠI HỌC CẦN THƠ: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**
RESEARCH BY STUDENTS AT FACULTY OF EDUCATION – CANTHO UNIVERSITY:
STATUS AND SOLUTIONS

Đình Minh Quang

Trường Đại học Cần Thơ

Email: dmquang@ctu.edu.vn

TÓM TẮT

Thực trạng và giải pháp thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học (NCKH) trong sinh viên của Khoa Sư phạm (KSP) được tiến hành khảo sát trên 110 sinh viên nam và nữ thuộc 02 khối ngành Khoa học tự nhiên (KHTN) và Khoa học xã hội (KHXX) trực thuộc KSP, Đại học Cần Thơ (ĐHCT). Bậc trung bình nhận xét của sinh viên về thực trạng và những nhân tố ảnh hưởng đến phong trào NCKH trong sinh viên của KSP được đánh giá bằng phương pháp phân tích phương sai phi tham số. Kết quả cho thấy số lượng đề tài NCKH trong sinh viên của KSP trong 05 năm gần đây chưa tương xứng với tiềm năng của Khoa. Không có sự khác biệt về bậc trung bình nhận xét của sinh viên nam và nữ cũng như sinh viên thuộc 02 khối ngành KHTN và KHXX về vấn đề này. SV cho rằng ý tưởng để có một đề tài NCKH là yếu tố quan trọng nhất trong 05 yếu tố ảnh hưởng đến phong trào NCKH. Hơn 2/3 sinh viên cho rằng ý tưởng để có đề tài NCKH có thể lấy từ cuộc sống hằng ngày, hay cho rằng học lực và sự nhiệt tình có vai trò như nhau trong việc tác động đến phong trào NCKH. Vì vậy, để thúc đẩy phong trào NCKH trong sinh viên của KSP đặc biệt là nghiên cứu về KHXX và khoa học giáo dục, bản thân sinh viên phải tự mình nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức thống kê và thiết kế bảng hỏi.

Từ khóa: nghiên cứu khoa học sinh viên; khoa sư phạm - Đại học Cần Thơ; thống kê phi tham số.

ABSTRACT

The Survey on the status of research activities and solutions to promote scientific research by students at Faculty of Education, Cantho University was carried out. There were 110 male and female students of natural and social science programs of Faculty of Education in the survey. Mean rank of student assessment of student research activity status and factors influencing student research activities was examined by non-parametric variance analysis. The finding showed that the number of student projects was not equivalent to the potential of Faculty of Education. There was no significant difference in mean rank of student assessment between two genders and between natural and social sciences programs. Participants agreed that the research idea was the most important factor influencing student research activities. Two-third of the students believed that they can get research ideas from daily activities, and most students agreed that study abilities and enthusiasm shared the same role in research activities. Therefore, students should study to improve their specialized knowledge and knowledge about statistics and questionnaire design as well by themselves, which can help enhance the student research activities of the Faculty.

Key words: student research; faculty of Education – Cantho University; non-parametric statistics.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, ĐHTC đào tạo 87 chuyên ngành đại học, 31 chuyên ngành cao học 13 chuyên ngành nghiên cứu sinh với tổng số sinh viên 49.976 bao gồm sinh viên chính qui tại trường và sinh viên tại các Trung tâm Đào tạo các tỉnh ở ĐBSCL [5]. KSP, một trong 14 Khoa của ĐHTC, có 1.169 SV đại học hệ chính quy trong tổng số 22.309 sinh viên đại học hệ chính quy của ĐHTC [5]. ĐHTC và KSP không ngừng nâng cao chất

lượng đào tạo, quy mô sinh viên và đặc biệt là phong trào NCKH trong sinh viên. Đảng ủy và Ban chủ nhiệm KSP rất quan tâm đến phong trào NCKH trong sinh viên, vì hoạt động này không những giúp sinh viên đào sâu kiến thức chuyên môn mà còn có thể giúp họ tích lũy thêm kinh nghiệm phục vụ cho việc giảng dạy tại các trường trung học phổ thông, cao đẳng và đại học sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, 05 năm gần đây kể từ khi ĐHTC ban hành văn bản số 305/ĐHTC-QLKH

ngày 04 tháng 03 năm 2009 về việc hướng dẫn thực hiện và quản lý đề tài NCKH của SV [1], KSP chỉ có khoảng 15 đề tài NCKH do sinh viên làm chủ nhiệm, trong đó có trên dưới 05 đề tài NCKH về lĩnh vực KHXX và khoa học giáo dục. Kết quả còn chưa tương xứng với tiềm năng của Khoa, đặc biệt là lĩnh vực nghiên cứu về KHXX và khoa học giáo dục. Vì vậy, tìm ra thực trạng và giải pháp thúc đẩy phong trào NCKH trong sinh viên của KSP là rất cần thiết. Kết quả của đề tài sẽ góp phần nâng cao về số lượng và chất lượng đề tài NCKH trong sinh viên của KSP trong tương lai.

2. Phương tiện và phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương tiện

Phiếu khảo sát về tình hình NCKH trong SV của KSP.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Chọn mẫu

Mẫu được chọn phân tầng ngẫu nhiên dựa trên phương pháp nghiên cứu của Phạm Văn Quyết và Nguyễn Quý Thanh (2011) [4]. Phương pháp này cũng được Đinh Minh Quang và *ctv* (2011) [3] sử dụng thành công trong việc khảo sát về tình hình sử dụng “Hai giờ tự học” của SV ĐHCT và Đinh Minh Quang và *ctv.* (2011) [2] sử dụng trong việc khảo sát về việc xây dựng mô hình sinh hoạt chi đoàn theo học chế tín chỉ tại ĐHCT.

2.2.2. Kích thước mẫu

Kích thước mẫu được chọn dựa trên phương pháp nghiên cứu của Trần Thị Kim Thu (2011) [6] với 10% tổng số sinh viên hệ chính quy đang theo học tại KSP (110 SV).

2.2.3. Thiết kế phiếu điều tra

Phiếu điều tra gồm hai phần (phần thông tin chung của mẫu chọn và phần thông tin về chỉ tiêu cần khảo sát) được thiết kế dựa trên nguyên tắc chung của Phạm Văn Quyết và Nguyễn Quý Thanh (2011) [4]. Phương pháp này được sử dụng thành công bởi Đinh Minh Quang và *ctv.* (2011) [2] và Đinh Minh Quang và *ctv.* (2011) [3] trong khảo sát tình hình sử dụng “Hai giờ tự học” của

sinh viên ĐHCT và việc sinh hoạt chi đoàn theo học chế tín chỉ tại ĐHCT.

2.2.4. Thu mẫu

Phiếu khảo sát sau khi được thiết kế sẽ được tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên 30 sinh viên của KSP để làm cơ sở cho việc điều chỉnh lại phiếu khảo sát trước khi tiến hành phỏng vấn đại trà [2; 3].

Phiếu khảo sát được phát và phỏng vấn ngẫu nhiên trực tiếp và gián tiếp sinh viên của KSP dựa trên phương pháp nghiên cứu của Trần Thị Kim Thu (2011) [6].

2.2.5. Đo độ tin cậy của bảng hỏi

Phép thử Cronbach Alpha được dùng để đánh giá độ tin cậy của bảng câu hỏi khảo sát dựa trên phương pháp nghiên cứu của Lê Kim Long và Ngô Thị Ngọc Bích (2011) [4]. Phương pháp này được sử dụng thành công bởi Quan Minh Nhựt và *ctv* (2012) [7] trong việc đánh giá mức đáp ứng chất lượng nhân lực theo yêu cầu doanh nghiệp ở ĐBSCL được đào tạo tại ĐHCT.

2.2.6. Phân tích và xử lý số liệu

Số liệu sau khi thu sẽ được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS v16.0. Phép thử Friedman, Mann - Whitney U và Kruskal - Wallis H của phương pháp phân tích phương sai phi tham số được sử dụng để so sánh sự khác nhau bậc trung bình về sự nhận xét của sinh viên khối ngành KHTN và KHXX về giải pháp nhằm thúc đẩy phong trào NCKH trong sinh viên của KSP ở mức ý nghĩa $P < 0,05$.

3. Kết quả nghiên cứu – thảo luận

3.1. Độ tin cậy của bảng hỏi

Kết quả phân tích bằng phép thử Cronbach Alpha cho thấy bảng hỏi với 14 câu thỏa mãn điều kiện về độ tin cậy vì hệ số Cronbach Alpha = 0,66 (hệ số này lớn hơn hệ số điều kiện về độ tin cậy là 0,6).

3.2. Thông tin về mẫu khảo sát

Đề tài đã tiến hành khảo sát 110 sinh viên thuộc 09 đơn vị trực thuộc KSP, ĐHCT. Kết quả thống kê khái quát về mẫu nghiên cứu được thể hiện qua Bảng 1.

Bảng 1. Thông tin về mẫu khảo sát

Khối ngành	Nam		Nữ	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
KHTN	32	29,1%	28	25,4%
KHXH	21	19,1%	29	26,4%
Tổng	53	48,2%	57	51,8%

Nguồn: 110 phiếu khảo sát

Bảng 1 cho thấy tỷ lệ nam và nữ tham gia trả lời phỏng vấn ở khối ngành KHTN và KHXH khác nhau nhưng không có ý nghĩa về mặt thống kê ($\chi^2 = 0,267$, $P = 0,606$ ở khối ngành tự nhiên và $\chi^2 = 1,28$, $P = 0,258$ ở khối ngành xã hội). Tỷ lệ này ở 110 SV tham gia trả lời phỏng vấn cũng khác nhau không có ý nghĩa về mặt thống kê ($\chi^2 = 0,145$, $P = 0,703$).

3.3. Thực trạng NCKH trong SV của KSP

Khi được hỏi về tình hình NCKH trong SV của KSP, hơn 2/3 SV (77,3%) cho rằng tình hình NCKH trong sinh viên của KSP đến thời này là khá tốt nhờ được sự quan tâm hỗ trợ của Đảng ủy, Ban chủ nhiệm KSP cùng với sự nhiệt tình giúp đỡ của Thầy/Cô ở KSP và từng Bộ môn trực thuộc. Tuy nhiên, vẫn còn một lượng không nhỏ sinh viên (18,2%) vẫn chưa nắm được tình hình NCKH trong SV của KSP và 4,5% SV cho rằng số lượng đề tài NCKH trong sinh viên của KSP đến thời điểm này vẫn chưa phù hợp với qui mô đào tạo của KSP và đặc biệt là số lượng đề tài NCKH về lĩnh vực điều tra xã hội học và khoa học giáo dục. Nguyên nhân dẫn đến số đề tài NCKH trong sinh viên của KSP còn hạn chế so với tiềm lực của KSP là do họ cho rằng họ còn khá yếu về kiến thức thống kê xã hội như thiết kế phiếu điều tra, xử lý mẫu sau khi thu thập, phân tích và đọc số liệu sau khi chạy thống kê.

Kết quả phân tích phương sai phi tham số bằng phép thử Mann - Whitney U cho thấy bậc trung bình của kết quả đánh giá sinh viên khối ngành KHTN (54,38) và khối ngành KHXH (56,85) về thực trạng NCKH trong SV của KSP có khác nhau nhưng không có ý nghĩa về mặt thống kê ($Z = 0,429$, $P = 0,668$). Trung bình bậc đánh giá của SV nữ

(55,02) và sinh viên nam (56,02) về tình hình NCKH trong sinh viên của KSP khác nhau nhưng không có ý nghĩa về mặt thống kê dựa trên phép thử Mann - Whitney U ($Z = 0,174$, $P = 0,862$).

Khi được hỏi về mục đích của việc tham gia NCKH, 77,5% sinh viên cho rằng việc thực hiện đề tài NCKH là rất có lợi cho họ trong việc tích lũy thêm kinh nghiệm cho học tập và công việc chuyên môn sau khi tốt nghiệp, 20,9% cho sinh viên cho rằng họ đến với NCKH để thỏa mãn niềm đam mê của mình. Số còn lại cho rằng khi tham gia NCKH họ sẽ được cộng điểm thường khi xét điểm rèn luyện của sinh viên theo quy định của nhà trường. Kết quả so sánh bậc trung bình về nhận xét của sinh viên khối ngành KHTN (47,70) nhỏ hơn rất nhiều so với sinh viên thuộc khối ngành KHXH (64,86) bằng phép thử Mann-Whitney U ($Z = 3,75$, $P < 0,01$). Trong khi đó, kết quả so sánh trung bình về nhận xét này của SV nam (53,89) và nữ (57,00) bằng phép thử Mann-Whitney U có khác nhau nhưng không có ý nghĩa về mặt thống kê ($Z = 0,683$, $P = 0,495$).

3.4. Nguyên nhân ảnh hưởng đến phong trào NCKH trong SV của KSP

Kết quả khảo sát cho thấy 05 yếu tố: ý tưởng đề hình thành đề tài; kiến thức chuyên môn và thống kê; sự hỗ trợ của Thầy/Cô; sự hỗ trợ từ KSP; và trang thiết bị, tài liệu phục vụ nghiên cứu và kinh phí có tác động không giống nhau đến phong trào NCKH trong sinh viên của KSP dựa trên phép thử Friedman ($\chi^2 = 203,89$, $P < 0,01$). Trong đó, yếu tố quan trọng nhất là ý tưởng đề hình thành đề tài nghiên cứu KSP học vì nếu không có ý tưởng về đề tài NCKH thì không thể nên được điều gì, kể đến là kiến thức chuyên môn và thống kê. Yếu tố trang

thiết bị, tài liệu phục vụ nghiên cứu và kinh phí xếp thứ 3, theo sau đó là yếu tố sự hỗ trợ của Thầy/Cô và sự hỗ trợ từ KSP (Bảng 2). Cả nhóm SV nam và nữ khi tham gia trả lời phỏng vấn đều cho rằng điều kiện quan trọng đối với việc thực hiện đề tài NCKH là ý tưởng và kiến thức chuyên môn. Điều này

chứng tỏ sinh viên hiểu khá tốt về mức độ động viên của KSP đối với họ trong việc thực hiện đề tài NCKH. Đây chính là nguyên nhân 2 yếu tố này được xếp sau cùng vì cơ bản họ đã biết Thầy/Cô và KSP luôn quan tâm và hỗ trợ họ trong việc thực hiện đề tài NCKH.

Bảng 2. Yếu tố ảnh hưởng đến phong trào NCKH của KSP

Yếu tố	Số mẫu	Trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn
Ý tưởng để hình thành đề tài (1)	110	4,29	1,10
Kiến thức chuyên môn và thống kê (2)	110	3,92	0,96
Sự hỗ trợ của Thầy/Cô (3)	110	2,26	0,85
Sự hỗ trợ từ KSP (4)	110	1,76	0,89
Trang thiết bị, tài liệu phục vụ nghiên cứu và kinh phí (5)	110	2,75	1,33

Nguồn: 110 phiếu khảo sát

Phép thử Kruskal Wallis được sử dụng để so sánh bậc trung bình sự đánh giá của của sinh viên ở 2 khối ngành KHTN và KHXH về 5 yếu tố trên. Kết quả phân tích cho thấy sự nhận xét của sinh viên thuộc 2 khối ngành này khác nhau nhưng không có ý về mặt thống kê ở yếu tố (2), (3) và (4) ($P>0,05$) (Bảng 3). Trong khi đó, bậc trung bình của SV khối ngành KHTN lớn hơn rất nhiều so với khối ngành KHXH ở yếu tố (1) ($P<0,05$, Bảng 3).

Ngược lại, bậc trung bình của sinh viên khối ngành KHXH lớn hơn rất nhiều so với khối ngành KHTN ở yếu tố (5) ($P<0,01$, Bảng 3). Kết quả so sánh bậc trung bình ở 2 nhóm sinh viên nam và nữ về sự nhận xét đối với 5 yếu tố ảnh hưởng đến phong trào NCKH trong sinh viên của KSP khác nhau nhưng không có ý nghĩa về mặt thống kê ($P>0,05$, Bảng 3).

Bảng 3. Nhận xét của SV khối ngành KHTN và KHXH đối với 05 yếu tố ảnh hưởng đến NCKH

	Khối ngành học	Bậc trung bình	Giới tính	Bậc trung bình
(1)	Tự nhiên	63,12 ^a	Nữ	49,54 ^a
	Xã hội	46,35 ^b	Nam	61,92 ^a
(2)	Tự nhiên	56,18 ^a	Nữ	58,92 ^a
	Xã hội	54,68 ^a	Nam	51,82 ^a
(3)	Tự nhiên	59,10 ^a	Nữ	51,22 ^a
	Xã hội	51,18 ^a	Nam	60,10 ^a
(4)	Tự nhiên	56,35 ^a	Nữ	60,17 ^a
	Xã hội	54,48 ^a	Nam	50,48 ^a
(5)	Tự nhiên	45,33 ^a	Nữ	57,86 ^a
	Xã hội	67,70 ^b	Nam	52,96 ^a

Chữ cái khác nhau trong cùng một yếu tố biểu thị sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức ý nghĩa $\alpha = 0,05$; nguồn: 110 phiếu khảo sát.

70% sinh viên cho rằng ý tưởng cho đề tài NCKH có thể tìm được ngay trong cuộc sống hàng ngày, hoặc có thể hình thành được ý tưởng cho đề

tài NCKH thông qua việc đọc báo, sách hoặc sử dụng mạng internet (16,4%). Rất ít sinh viên cho rằng họ có thể tìm được ý tưởng cho đề tài NCKH

từ công ty kinh doanh (0,9%), số còn lại họ cho rằng ý tưởng cho đề tài NCKH có thể tìm được từ 02 nguồn khác là từ bài báo cáo seminar trên lớp (7,3%) và từ gợi ý của Thầy/Cô giảng dạy học phần (5,5%). Bậc trung bình về nhận xét của sinh viên ở khối ngành KHTN (60,67) lớn hơn rất nhiều so với SV khối ngành KHXH (49,30) về vấn đề này dựa trên phép thử Mann - Whitney ($Z = 2,304$, $P = 0,021$). Trong khi đó, bậc trung bình về nhận xét của nhóm SV nam (57,58) và nữ (53,57) về 05 nguồn có thể tìm được ý tưởng cho đề tài NCKH không khác nhau nhưng không có ý nghĩa về mặt thống kê ($Z = 0,815$, $P > 0,05$).

Bậc trung bình về nhận xét của sinh viên ở 02 khối ngành KHTN và KHXH đều giống về 02 yêu cầu quan trọng đối với NCKH đó là học lực và sự nhiệt tình đối với công tác NCKH dựa trên phép thử Mann - Whitney ($Z = 1,733$, $P > 0,05$). Điều này cũng giống với nhận định của SV nam và nữ về vấn đề này (Mann-Whitney, $Z = 0,387$, $P > 0,05$). Vì vậy, để thực hiện thành công một đề tài NCKH trong sinh viên thì người sinh viên cần phải có học lực khá giỏi và nhiệt tình đối với công tác NCKH.

3.5. Giải pháp nhằm thúc đẩy phong trào NCKH trong SV của KSP

Kết quả phân tích cho thấy, nguyên nhân dẫn đến số đề tài NCKH trong sinh viên của KSP còn hạn chế so với tiềm lực của KSP là do họ cho rằng họ còn khá yếu về kiến thức thống kê xã hội

như thiết kế phiếu điều tra, xử lý mẫu sau khi thu thập, phân tích và đọc số liệu sau khi chạy thống kê. Cả nhóm sinh viên nam và nữ khi tham gia trả lời phỏng vấn đều cho rằng điều kiện quan trọng đối với việc thực hiện đề tài NCKH là ý tưởng và kiến thức chuyên môn. Vì vậy, để có thể phát huy hơn nữa phong trào NCKH trong SV của KSP thì bản thân sinh viên cần phải tích cực hơn trong việc tìm ý tưởng từ cuộc sống hoặc từ thông tin từ báo, sách hay mạng internet. Đồng thời, sinh viên cần phải được trang bị nhiều hơn nữa kiến thức chuyên môn và thống kê, đặc biệt là kiến thức về việc xây dựng bảng câu hỏi và đánh giá độ tin cậy của bảng câu hỏi điều tra xã hội học và khoa học giáo dục. Sinh viên có thể tự thân tìm hiểu từ sách hoặc thông qua các khóa tập huấn về vấn đề này.

4. Kết luận

Ý tưởng để hình thành được một đề tài NCKH trong sinh viên là yếu tố quan trọng nhất trong 05 yếu tố quyết định sự thành công của phong trào NCKH trong sinh viên của KSP. Sinh viên có thể tìm được ý tưởng cho đề tài NCKH của mình từ những vấn đề của cuộc sống hằng ngày.

Bản thân sinh viên phải tự mình trang bị kiến thức chuyên môn và thống kê cũng như kiến thức về thiết kế bảng hỏi, đánh giá độ tin cậy của bảng hỏi. Sinh viên cần chủ động hơn nữa trong việc thực hiện đề tài NCKH như tìm Thầy/Cô hướng dẫn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đại học Cần Thơ (2009), *Hướng dẫn thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên*, Cần Thơ.
- [2] Đinh Minh Quang, Trần Thiện Bình, Nguyễn Thị Kiều Tiên (2011), Kết quả khảo sát bước đầu về tình hình sử dụng "Hai giờ tự học" của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ, *Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ*, 20a, pp. 183-92.
- [3] ---- (2011), Kết quả nghiên cứu bước đầu về việc xây dựng mô hình sinh hoạt chi đoàn theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Cần Thơ, *Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ*, 201, pp. 176-82.
- [4] Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2011), *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Phòng Kế hoạch tổng hợp - Đại học Cần Thơ, 2013.
- [6] Trần Thị Kim Thu (2011), *Giáo trình Điều tra xã hội học*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.